

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ ANH KHÔI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ ANH KHÔI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH KHOI SERVICE DEVELOPMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110162814

3. Ngày thành lập: 26/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Hoàng Long, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0836346886

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4632
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
23.	Trồng lúa	0111
24.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
25.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
26.	Trồng cây mía	0114
27.	Trồng cây lấy sợi	0116
28.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
29.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
30.	Trồng cây hàng năm khác	0119
31.	Trồng cây ăn quả	0121
32.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
33.	Trồng cây điều	0123
34.	Trồng cây hồ tiêu	0124
35.	Trồng cây cao su	0125
36.	Trồng cây cà phê	0126
37.	Trồng cây chè	0127
38.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
39.	Trồng cây lâu năm khác	0129
40.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
41.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
42.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

43.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
44.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
45.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
46.	Chăn nuôi gia cầm	0146
47.	Chăn nuôi khác	0149
48.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
49.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
50.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
51.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
52.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
53.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
54.	Khai thác gỗ	0220
55.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
56.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
57.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
58.	Khai thác thủy sản biển	0311
59.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
60.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
61.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
62.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
64.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
65.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
66.	Lập trình máy vi tính	6201
67.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
68.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
69.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
70.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
71.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại	6399
72.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản	6810

73.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
74.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7020
75.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Hoạt động đo đạc bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng - Tư vấn đấu thầu - Lập hồ sơ mời thầu	7110
76.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định xây dựng	7120
77.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
78.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
79.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động thám tử)	7320
80.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
81.	Cho thuê xe có động cơ	7710
82.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
83.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
84.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
85.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
86.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
87.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
88.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
89.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
90.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
91.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
92.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
93.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
94.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

95.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
96.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
97.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
98.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
99.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
100.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
101.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
102.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
103.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
104.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
105.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
106.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
107.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
108.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
109.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: - Hoạt động của đấu giá viên,- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;- Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4789
110.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
111.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
112.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
113.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
114.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
115.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
116.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
117.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
118.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

119.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
120.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
121.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
122.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
124.	Bốc xếp hàng hóa	5224
125.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
127.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
128.	Cơ sở lưu trú khác	5590
129.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
130.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
131.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
132.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
133.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
134.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
135.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
136.	Đại lý du lịch	7911
137.	Điều hành tua du lịch	7912
138.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
139.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
140.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
141.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
142.	Xây dựng nhà không để ở	4102
143.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
144.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
145.	Xây dựng công trình điện	4221
146.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
147.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
148.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
149.	Xây dựng công trình thủy	4291
150.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
151.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
152.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

153.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
154.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
155.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
156.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
157.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
158.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
159.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
160.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
161.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 300.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM VĂN HIẾU	Việt Nam	Thôn Đồng Phương, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	45.000.000	15,000	122187585	
2	LÊ MINH KHANG	Việt Nam	Thôn Hoàng Long, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	255.000.000	85,000	001096045024	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/01/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 122187585

Ngày cấp: 11/08/2012

Nơi cấp: Công an Tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Thôn Đồng Phương, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồng Phương, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội